

Số: 214/QĐ-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 27 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành quy định phân cấp quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 17/01/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-CPNT2 ngày 29/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc tạm giao Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Tờ trình số 282/TTr-CPNT2 ngày 22/03/2023 của Tổ lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023;

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 27/03/2023 của Tổ thẩm định gói thầu về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023;

Xét đề nghị của Tổ lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Tờ trình số 282/TTr-CPNT2 ngày 22/03/2023, Tổ thẩm định tại báo cáo thẩm định ngày 27/03/2023,



TCTĐ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023 như sau:

1. Dự toán: Dự toán chi phí Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023 đã bao gồm thuế VAT 10% là: 707.568.499 VND. (Bằng chữ: Bảy trăm lẻ bảy triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng).

(Chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm)

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu bao gồm thuế VAT 10% (VND)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Thực hiện nội soi (Borescope inspection) hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023	707.568.499	Chi phí Đại tu NMD Nhơn Trạch 2 năm 2023	Đàm phán trực tiếp	Quý I/2023	Đơn giá cố định	06 ngày (dự kiến trong đợt lễ 30/4 - 1/5 năm 2023)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TM-TTĐ, KTSX chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT; P.KTSX, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Danh mục và giá trị dự toán.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

PL 1: Bảng tổng hợp dự toán Thực hiện nội soi hai máy phát GT11, GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023

Stt	Nội dung	Số lượng nhân sự	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí thuê kỹ sư thực hiện công việc (Fact finder engineer)						
	Thực hiện công việc tại Nhà máy (ngày 3/5 nghỉ bù cho thứ 7 ngày 29/4)	1	1	ngày	71.920.024	71.920.024	- Tam tính theo đơn giá ngày công từ 30/04 đến 03/05/2023 (8h/ngày). - Chi phí thực tế được xác định theo thời gian thực tế (timesheet) và theo đơn giá Field Services Rates 2023; - Thời gian chờ (standby/waiting time) tại Nhà máy (Site) hay Khách sạn không do lỗi từ nhà thầu sẽ được tính 8h/ngày;
1	Thực hiện công việc tại Nhà máy (ngày lễ 30/4, 1 và 2/5)	1	3	ngày	81.480.124	244.440.372	
2	Lập báo cáo	1	2	ngày	47.917.447	95.834.894	Tam tính, chi phí thực tế được xác định theo thời gian thực tế (timesheet) và theo đơn giá Field Services Rates 2023
3	Chi phí di chuyển từ khách sạn và nhà máy và ngược lại	1	4	giờ	5.989.700	23.958.800	
4	Phụ cấp (Allowance)	1	4	ngày	4.970.000	19.880.000	
5	Chi phí chỗ ở	1	4	ngày	3.508.000	14.032.000	
6	Chi phí Mob/Demob	1	1	lot	146.178.000	146.178.000	Trọn gói, chưa bao gồm vé máy bay, áp dụng cho đi lại trong khu vực, quy định tại Field Services Rates 2023
7	Vé máy bay	1	1	lot	27.000.000	27.000.000	Tam tính cho đi lại trong khu vực, chi phí thực tế sẽ dựa trên giá vé máy bay thực tế cộng thêm 10% phụ phí (handling fee)
II	Công cụ dụng cụ (máy Boroscope)						PVPowerNT2 cung cấp
III	02 Kỹ sư điện (Electricians)						PVPowerNT2 cung cấp
	Tổng giá trị trước thuế VAT					643.244.090	
	Thuế VAT 10%					64.324.409	
	Tổng giá trị sau thuế VAT					707.568.499	
Ghi chú: Chi phí thực tế được xác định theo thời gian thực tế (timesheet) và theo đơn giá Field Services Rates 2023; - Thời gian chờ (standby/waiting time) tại Nhà máy (Site) hay Khách sạn không do lỗi từ nhà thầu sẽ được tính 8h/ngày; - Thời gian tính công tối thiểu là 8h/ngày; - Công cụ dụng cụ để thực hiện công việc do PVPower NT2 cung cấp; - PVPower NT2 hỗ trợ 02 kỹ sư điện (electricians) để hỗ trợ nhà thầu thực hiện công việc; - Giá trị thuế VAT có thể điều chỉnh nếu chính sách về thuế có sự thay đổi.							

